

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2021/DS-ST

Ngày 06/9/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Tư;

Bà Nguyễn Thị Vượng.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2021/QĐXX-DS ngày 05 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị B, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 61, đường Nguyễn Tấn Thiện, phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; *Người đại diện theo ủy Q tham gia tố tụng:* Ông Hoàng Quang Q, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 31 ngõ 267 đường Phùng Khoang, tổ dân phố số 05, phường Trung Văn, quận NTL, thành phố HN. Hợp đồng ủy Q ngày 10/7/2021 (vắng mặt và có đơn đề nghị vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty Cổ phần LMTDVN (sau đây gọi tắt là: Công ty); địa chỉ: N24, khu dân cư sĩ quan, quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Văn C - Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là bà Đoàn Thị B trình bày:*

Ngày 25/3/2015, bà có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng với Công ty cổ phần LMTDVN (sau đây gọi tắt là: Công ty) theo Hợp đồng số 0003323/HĐ-LMTD. Bản chất của Hợp đồng là để mua hàng hóa về một phần là để sử dụng, một phần để bán và chủ yếu là hưởng phần trăm hoa hồng trên số hàng hóa đã mua.

Sau đó, bà có mua của Công ty tại chi nhánh của Công ty tại tỉnh Nghệ An 150 mã sản phẩm Cao Hồng Sâm với giá trị mỗi gói hàng là 9.888.000 đồng. Bà mua và đã nộp vào Công ty tổng cộng 1.483.200.000 đồng và được Công ty đưa cho 150 Phiếu đặt hàng, đồng thời gửi hàng lưu kho. Quá trình gửi hàng, bà đã lĩnh 75 mã hàng Cao Hồng Sâm và Công ty đã thu lại 75 phiếu đặt hàng. Hiện nay, bà còn 75 mã hàng tương ứng với 75 phiếu đặt hàng bà chưa nhận hàng. Bà tiếp tục đến lấy hàng, nhưng Công ty không có hàng giao cho bà, bà yêu cầu trả lại tiền thì Công ty không trả. Đến nay, bà cũng không biết đại diện Công ty đang ở đâu. Đến năm 2018, bà phát hiện ra ngày 07/11/2016, Công ty cổ phần LMTDVN đã bị rút giấy phép kinh doanh bán hàng đa cấp do vi phạm Nghị định 42 của Bộ công thương và bị xử phạt 409.000.000 đồng. Nay, bà khởi kiện yêu cầu Công ty phải có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền tương ứng với 75 mã sản phẩm mà bà chưa được nhận với tổng số tiền là 741.600.000 đồng theo 75 Phiếu thu ngày 22/4/2015.

Theo cung cấp của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B tại Tờ Công văn số 13/CV-ĐKKD ngày 28/01/2021 và tài liệu kèm theo thì Công ty cổ phần LMTDVN vẫn đăng ký trụ sở tại địa chỉ: N24, khu dân cư sỹ quan, Quân đoàn 2, đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh Kế, thành phố B, tỉnh B. Theo biên bản xác minh tại UBND phường Dĩnh Kế, thành phố B thì Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh gì và không còn treo biển hiệu tại địa chỉ trên, không có nhân viên để nhận văn bản, hiện công ty khác đã thuê lại để đặt trụ sở.

Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải....nhưng đại diện của Công ty không đến Tòa án làm việc và cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thu thập tài liệu chứng cứ từ các vụ án khác do Cục Quản lý cạnh tranh nay là Cục cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng- Bộ Công thương cung cấp cho Tòa án tài liệu liên quan đến Công ty cổ phần LMTDVN, bao gồm:*

- Bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của Công ty.

- Bản sao Quyết định số: 252/QĐ-QLCT ngày 03/10/2016 của Cục Quản lý cạnh tranh về việc xử lý vụ việc cạnh tranh đối với Công ty. Trong Quyết định có nội dung: Công ty Cổ phần LMTDVN không làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp khi có thay đổi, bổ sung liên quan đến Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 10, Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp không bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi ký Hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp với cá nhân không đủ điều kiện tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ đào tạo cơ bản đối với người tham gia bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 20- Nghị định 42/2014/NĐ-CP; Công ty đã thực hiện hành vi duy trì nhiều hơn một vị trí kinh doanh đa cấp, hợp đồng tham gia bán hàng đa cấp, mã số kinh doanh đa cấp hoặc các hình thức khác tương đương đối với một người tham gia bán hàng đa cấp, vi phạm quy định tại điểm p khoản 1 Điều 5 Nghị định 42/2014/NĐ-CP. Công ty đã vi phạm các quy định của Nghị định 42 về bán hàng đa cấp và quá trình hoạt động bán hàng đa cấp, Công ty đã có nhiều sai phạm nên Cục quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương đã ra Quyết định xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài hình thức phạt tiền, Cục quản lý cạnh tranh còn áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là “Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP”, Công ty cổ phần LMTDVN không còn tư cách về mặt chủ thể để tham gia bán hàng đa cấp.

Tại phiên tòa ngày 21/8/2021: Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 06/9/2021, đại diện theo pháp luật của bị đơn tiếp tục vắng mặt không lý do. Đại diện theo ủy Q của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, đại diện của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện theo pháp luật của bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B; Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả cho bà Đoàn Thị B số tiền: 741.600.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Đại diện theo pháp luật của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đại diện theo ủy Q của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm Q giải quyết vụ án:

Ngày 25/3/2015, bà có ký Hợp đồng hợp tác bán hàng với Công ty cổ phần LMTDVN theo Hợp đồng số 0003323/HĐ-LMTD. Sau đó, bà B có mua của Công ty tại chi nhánh của Công ty tại tỉnh Nghệ An 150 mã sản phẩm Cao Hồng Sâm với giá trị mỗi gói hàng là 9.888.000 đồng. Bà B mua và đã nộp vào Công ty tổng cộng 1.483.200.000 đồng và được Công ty đưa cho 150 Phiếu đặt hàng, đồng thời gửi hàng lưu kho. Quá trình gửi hàng, bà B đã lĩnh 75 mã hàng Cao Hồng Sâm và Công ty đã thu lại 75 phiếu đặt hàng. Hiện nay, bà B còn 75 mã hàng tương ứng với 75 phiếu đặt hàng bà chưa nhận hàng. Bà B tiếp tục đến lấy hàng, nhưng Công ty không có hàng giao cho bà B, bà B yêu cầu trả lại tiền thì Công ty không trả. Các bên không tự giải quyết được tranh chấp nên bà B khởi kiện ra Tòa án. Quan hệ tranh chấp giữa bà B với Công ty cổ phần LMTDVN là quan hệ dân sự giữa cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh với pháp nhân có giấy phép đăng ký kinh doanh về bán hàng đa cấp. Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự (cụ thể là tranh chấp hợp đồng hợp tác bán hàng)*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà B về việc buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả số tiền 741.600.000 đồng:

[3.1]. Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (Hợp đồng hợp tác bán hàng số: 0003323/HĐ-LMTD ngày 25/3/2015 và 75 phiếu thu ngày 22/4/2015) có căn cứ xác định: Sau khi ký kết hợp đồng, bà B có mua của Công ty tại chi nhánh của Công ty tại tỉnh Nghệ An 150 mã sản phẩm Cao Hồng Sâm với giá trị mỗi gói hàng là 9.888.000 đồng. Bà B mua và đã nộp vào Công ty tổng cộng 1.483.200.000 đồng và được Công ty đưa cho 150 Phiếu đặt hàng, đồng thời gửi hàng lưu kho. Quá trình gửi hàng, bà B đã lĩnh 75 mã hàng Cao Hồng Sâm và Công ty đã thu lại 75 phiếu đặt hàng. Hiện nay, bà B còn 75 mã hàng tương ứng với 75 phiếu đặt hàng bà chưa nhận hàng. Bà B tiếp tục đến lấy hàng, nhưng Công ty không có hàng giao cho bà B, bà B yêu cầu trả lại tiền thì Công ty không trả.

[3.2]. Ngày 03/10/2016, Cục quản lý cạnh tranh - Bộ Công thương có Quyết định về việc xử lý vụ việc cạnh tranh số: 252/QĐ-QLCT đối với Công ty cổ phần LMTDVN. Tại Quyết định trên thì Công ty cổ phần LMTDVN đã bị áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khắc phục là thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 36 Nghị định 71/2014/NĐ-CP.

[3.3]. Bà Đoàn Thị B yêu cầu Công ty cổ phần LMTDVN phải trả số tiền 741.600.000 đồng tương đương giá trị của 75 theo phiếu đặt hàng, chưa được Công ty trả hàng, là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và điểm c khoản 2 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BCT ngày 30/07/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp.

[4] Về án phí: Yêu cầu của bà B được chấp nhận, nên Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 274, Điều 275, Điều 280 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 16 của Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B về việc yêu Công ty cổ phần LMTDVN về trả tiền theo Hợp đồng hợp tác bán hàng số: 0003323/HĐ-LMTD ngày 25/3/2015 được ký kết giữa đại diện của Công ty và bà Đoàn Thị B;

2. Buộc Công ty cổ phần LMTDVN phải trả lại cho bà Đoàn Thị B số tiền: **741.600.000** đồng (bảy trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng);

3. Về án phí: Công ty cổ phần LMTDVN phải chịu 33.664.000 đồng (ba mươi ba triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về Q kháng cáo:

Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thoả thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND tp B;
- CCTHADS tp B;
- Các đương sự;
- VPTA, HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Kiên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Kiên**